

Bản án số: 709/2024/DS-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Rành
- Bà Hồ Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 656/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 386/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 313/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024; Thông báo dời ngày mở lại phiên tòa số: 663/TB-TA ngày 19/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Diễm T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp Tân Q, xã T, Huyện C, Tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Tấn D, sinh năm 1980 (Giấy ủy quyền số công chứng: 002528; quyền số 07/2023.TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 17/7/2023 tại Văn phòng công chứng Bùi Ngọc L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ: A 12-10 chung cư B, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Hà Xuân B, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 14 đường N 2D, khu N 2-S19, khu phố 6, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi làm việc: Số 1A đường P, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Mai P, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 14 đường N 2D, khu N 2-S19, khu phố 6, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Công ty TNHH M

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Xuân B, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Số 14 đường N 2D, khu N 2-S19, khu phố 6, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988

Địa chỉ: 04.13 Chung cư K, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: A34 đường D5A, khu tái định cư P, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Trần Tấn D, bà Nguyễn Thị Thanh T có mặt tại phiên tòa; bà Lê Thị Diễm T, ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện 25/10/2023 của nguyên đơn bà Lê Thị Diễm T và quá trình giải quyết vụ án ông Trần Tấn D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/07/2021, bà Lê Thị Diễm T có mua 02 bất động sản tại địa chỉ: Số 1375- 1377 đường H, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Hà Xuân B là chủ sở hữu theo Hợp đồng công chứng số: 2217 và số: 2219 ngày 19/07/2021 tại Văn phòng Công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Diễm T đã thanh toán đầy đủ tiền mua nhà cho ông Hà Xuân B và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình làm thủ tục cập nhật sang tên giấy chứng nhận, Chi Cục Thuế Quận 7 tính thuế thu nhập cá nhân là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu) đồng. Theo hợp đồng mua bán số: 2217 và số: 2219 ngày 19/07/2021 thì ông Hà Xuân B phải nộp số tiền này tuy nhiên, do mối quan hệ quen biết, ông Hà Xuân B đề nghị mượn và nhờ bà Lê Thị Diễm T nộp trước số tiền này thay ông B để thuận lợi trong thủ tục cập nhật chuyển nhượng trên giấy chứng nhận sang tên bà Lê Thị Diễm T.

Ông Hà Xuân B cam kết sẽ trả lại cho bà Lê Thị Diễm T trong thời hạn một tháng kể từ ngày bà T nộp tiền. Để bảo đảm cho số tiền ông B mượn bà T là 240.000.000 đồng, ông B có đề nghị giao cho bà T giữ 01 xe ô tô và giấy tờ bản chính chiếc xe biển số 51C-363.38 hẹn sau khi trả lại tiền cho bà T, thì bà T sẽ trả lại chiếc xe trên cho ông B. Hiện bà Lê Thị Diễm T đang giữ chiếc xe này (về đề nghị mượn tiền và giao xe trên có bà Nguyễn Thị Thanh T làm chứng).

Ngày 09/11/2021, bà Lê Thị Diễm T đã nộp đủ số tiền 240.000.000 đồng tại Chi Cục Thuế Quận 7 để nộp thuế thu nhập cá nhân cho ông Hà Xuân B

(Đính kèm bản photo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 09/11/2021 của Chi cục Thuế Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi nộp đủ tiền, nhiều lần bà T có liên hệ ông Hà Xuân B để đòi lại số tiền trên nhưng ông B cố tình tránh né, không trả lại tiền.

Do ông Hà Xuân B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận, nên bà Lê Thị Diễm T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Hà Xuân B phải trả lại ngay cho bà Lê Thị Diễm T số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu) đồng và tiền phát sinh do chậm trả tiền kể từ ngày 10/12/2021 (sau 01 tháng kể từ ngày bà Lê Thị Diễm T nộp thay ông B số tiền 240.000.000 đồng tại Chi cục Thuế Quận 7) đến thời điểm ông Hà Xuân B trả đủ tiền theo mức lãi suất là 10% /năm. Tiền lãi tạm tính đến ngày 25/10/2023 là 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu) đồng. Tổng cộng số tiền ông B phải trả cho bà T là 288.000.000 đồng. Ngay sau khi ông B trả cho bà T đủ số tiền nêu trên thì bà T trả lại cho ông B xe ô tô biển số: 51C-363.38 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 588690 ngày 29/8/2020.

Ngày 02/8/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Tấn D có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bà Nguyễn Mai P phải có nghĩa vụ liên đới với ông B trả nợ cho bà T. Cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hà Xuân B và bà Nguyễn Mai P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Diễm T số tiền 240.000.000 đồng mà bà T đã nộp thuế thu nhập cá nhân thay ông B, bà P và tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền, kể từ ngày 10/12/2021 (sau 01 tháng kể từ ngày bà Lê Thị Diễm T nộp thay ông B số tiền 240.000.000 đồng tại Chi cục Thuế Quận 7) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

- Về phía bị đơn ông Hà Xuân B trình bày (theo văn bản trình bày ý kiến ngày 30/7/2024): Căn cứ vào hợp đồng công chứng số 02217 và 02219 lập tại Văn phòng công chứng B, địa chỉ số 1272B Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Mỹ, Quận 7, để chuyển nhượng nhà và quyền sử dụng đất tại số 1375 -1377 H, khu phố 3, phường P, Quận B cho bà Lê Thị Diễm T với tổng giá trị chuyển nhượng của hợp đồng trên là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng). Đối chiếu với quy định của pháp luật về thuế, thì phần thuế mà ông có nghĩa vụ phải đóng là thuế thu nhập cá nhân, tức là ông chịu thuế suất 2% trên giá chuyển nhượng của Hợp đồng là 5.000.000.000 đồng tức là ông phải chịu tối đa là 100.000.000 đồng tiền thuế. Tuy nhiên, bà T yêu cầu ông chịu tổng số tiền thuế 288.000.000 đồng là vô lý, không đúng quy định pháp luật. Mặt khác, trong quá trình thực hiện hợp đồng ký kết trên, bà Lê Thị Diễm T đã buộc ông phải chi trả nhiều chi phí bất hợp lý và giao dịch mua bán trên còn có nội dung chưa đảm bảo quy định của pháp luật nên ông đã nhiều lần gửi Thông báo chấm dứt hợp đồng lần 01 vào ngày 12/10/2021, Thông báo chấm dứt hợp đồng lần 02 vào ngày 20/10/2021 và khiếu nại đến chi cục thuế Quận 7 để đề nghị không tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán trên, nên ông không chấp nhận yêu cầu của bà T. Đối với chiếc xe ô tô biển số 51C - 363.38 và giấy tờ bản chính thì ông không có thỏa thuận giao cho bà T giữ mà là ngày 01/07/2021, bà Nguyễn Thị Thanh T hỏi mượn ông xe ô tô trên để đi thiện nguyện trong mùa dịch và hứa sẽ trả liền sau đó, nên ông đồng ý cho

bà T mượn. Tuy nhiên, sau đó ông nhiều lần liên lạc, thông báo yêu cầu nhưng bà T không trả lại xe ô tô trên.

*** Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:**

Ngày 19/07/2021, bà Lê Thị Diễm T và ông Hà Xuân B có thực hiện hợp đồng mua bán 02 bất động sản tại địa chỉ: Số 1375- 1377 đường H, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình làm thủ tục cập nhật sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Diễm T, ông B có đề nghị mượn bà T số tiền 240.000.000 đồng để đóng thuế thu nhập cá nhân trong giao dịch bất động sản trên. Để làm tin, ông B có giao cho bà T 01 chiếc xe Ford và giấy tờ xe, biển số: 51C-36338 hẹn sau khi ông B thanh toán tiền sẽ nhận lại xe. Sự việc trên có sự chứng kiến của bà. Sau đó bà T nhiều lần liên hệ kêu ông B trả tiền và nhận lại xe, nhưng ông B trốn tránh, không liên hệ được. Bà T cũng nhiều lần nhờ bà liên lạc ông B để gặp bà T giải quyết sự việc trên nhưng bà cũng nhiều lần liên hệ nhưng không được, nên bà T khởi kiện ông B.

Bà xác định bà có quen biết ông B trước qua quan hệ làm ăn. Khi bà T (là chị em bạn thân) mua nhà đất của ông B, khi ra Chi cục thuế đóng thuế, bà có trực tiếp chứng kiến việc bà T đã đóng thuế thu nhập cá nhân thay cho ông B số tiền 240.000.000 đồng theo yêu cầu của ông B gọi điện thoại cho bà T nộp thay ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P (vợ ông B) số tiền này. Bà T đã nộp thuế thu nhập cá nhân cho ông B, bà P bằng tiền mặt tại Chi cục thuế Quận 7. Về chiếc xe, do dịch Covid 19 ông B ở Bình Dương gọi điện cho bà T trao đổi về việc mượn tiền trên. Sau đó ông B, bà T gọi điện cho bà thông báo sự việc trên và nhờ bà nhận xe dùm bà T do người của ông B chạy đến giao xe và bản chính giấy tờ xe cho bà tại nhà bà trước ngày nộp thuế. Bà cam đoan là khai báo trung thực sự việc mà bà biết được có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà T mà Tòa án đang giải quyết, nếu sai trái sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 01/8/2024, ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ông Trần Tấn D là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hà Xuân B và bà Nguyễn Mai P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Diễm T tiền nộp thay thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản là 240.000.000 đồng. Về tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền, do bà T và ông B không có thỏa thuận về thời hạn trả lại tiền, nên nay ông xác định lại là tính kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án là ngày 11/12/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 30/9/2024 là 09 tháng 19 ngày, theo mức lãi suất 10%/năm, tính chẵn là 19.000.000 đồng (240.000.000 đồng x 10%/năm x 09 tháng 19 ngày=19.266.000 đồng). Tổng số tiền ông B, bà P phải trả cho bà T là 259.000.000 đồng. Ngay sau khi ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P trả cho bà Lê Thị Diễm T đủ số tiền nêu trên thì bà T trả lại cho ông B xe ô tô biển số: 51C-363.38 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 588690 ngày

29/8/2020.

- Bị đơn ông Hà Xuân B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vắng mặt không lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Mai P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vắng mặt không lý do.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà là người trực tiếp chứng kiến việc bà T đã đóng thuế thu nhập cá nhân thay cho ông Hà Xuân B số tiền 240.000.000 đồng là theo yêu cầu của ông B gọi điện thoại cho bà T nộp thay ông B và bà Nguyễn Mai P (vợ ông B) số tiền này. Bà cam đoan là khai báo trung thực, chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai trước pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, giao nhận thông báo thụ lý vụ án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 85 và Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Diễm T khởi kiện yêu cầu ông Hà Xuân B phải trả lại tiền nộp thuế thu nhập thay cho ông B, bà P đây là vụ án tranh chấp về đòi lại tài sản quy định tại điều 166 Bộ luật dân sự 2015. Bị đơn cư trú tại Quận 7, theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Hà Xuân B và là đại diện theo pháp luật của Công ty M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Mai P vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập lần 2 để tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu của bà Lê Thị Diễm T về việc buộc ông Hà Xuân B và bà Nguyễn Mai P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Diễm T tiền nộp thay thuế thu nhập cá nhân 240.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền, tính kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 11/12/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 30/9/2024 là 09 tháng 19 ngày, theo mức lãi suất 10%/năm, tính chẵn là 19.000.000 đồng (240.000.000 đồng x 10%/năm x 09 tháng 19 ngày = 19.266.000 đồng). Tổng số tiền ông B, bà P phải trả cho bà T là 259.000.000 đồng. Ngay sau khi ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P trả cho bà Lê Thị Diễm T đủ số tiền nêu trên thì bà T trả lại cho ông B xe ô tô biển số: 51C-363.38 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 588690 ngày 29/8/2020, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu của bà Lê Thị Diễm T về việc buộc ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P phải liên đới trả cho bà T tiền nộp thay thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản số tiền 240.000.000 đồng. Theo bà T cho rằng do mối quan hệ quen biết, ông Hà Xuân B đề nghị mượn và nhờ bà Lê Thị Diễm T nộp trước số tiền này thay ông B để thuận lợi trong thủ tục cập nhật chuyển nhượng trên giấy chứng nhận sang tên cho bà Lê Thị Diễm T. Bị đơn ông Hà Xuân B không thừa nhận, không đồng ý trả số tiền trên vì cho rằng bà Lê Thị Diễm T đã buộc ông phải chi trả nhiều chi phí bất hợp lý, giao dịch mua bán nhà trên còn có nội dung chưa đảm bảo quy định của pháp luật, nên ông đã nhiều lần gửi thông báo chấm dứt hợp đồng, Hội đồng xét xử xét thấy phản đối của ông B là không có cơ sở bởi lẽ:

[3.1.1] Căn cứ 02 Hợp đồng mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất; số công chứng: 02217 và ; số công chứng: 02219 lập ngày 19/7/2021 tại Văn phòng Công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh thì tại Điều 4 của Hợp đồng các bên thỏa thuận: *“Thuế, lệ phí liên quan đến việc mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở theo Hợp đồng này do hai bên chịu trách nhiệm nộp theo quy định của pháp luật”*.

[3.1.2] Căn cứ Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng bất động sản số: LTB2170113-TK0012200/TB-CCT ngày 03/11/2021 của Chi cục Thuế khu vực Quận 7 – Nhà Bè đối với ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P; số thuế phải nộp là 120.00.000 đồng và Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng bất động sản số: LTB2170113-TK0012207/TB-CCT ngày 03/11/2021 của Chi cục Thuế khu vực Quận 7 – Nhà

Bè đối với ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P; số thuế phải nộp là 120.00.000 đồng;

[3.1.3] Căn cứ Giấy nộp tiền (tiền mặt) vào ngân sách nhà nước số: 5728688 ngày 09/11/2021 thể hiện người nộp thuế: Ông Hà Xuân B; người nộp thay: Bà Lê Thị Diễm T; nội dung khoản nộp: Thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; số tiền nộp: 60.000.000 đồng. Căn cứ Giấy nộp tiền (tiền mặt) vào ngân sách nhà nước số: 5729723 ngày 09/11/2021 thể hiện người nộp thuế: Ông Hà Xuân B; người nộp thay: Bà Lê Thị Diễm T; nội dung khoản nộp: Thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; số tiền nộp: 60.000.000 đồng. Căn cứ Giấy nộp tiền (tiền mặt) vào ngân sách nhà nước số: 5728779 ngày 09/11/2021 thể hiện người nộp thuế: Bà Nguyễn Mai P; người nộp thay: Bà Lê Thị Diễm T; nội dung khoản nộp: Thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; số tiền nộp: 60.000.000 đồng. Căn cứ Giấy nộp tiền (tiền mặt) vào ngân sách nhà nước số: 5729625 ngày 09/11/2021 thể hiện người nộp thuế: Bà Nguyễn Mai P; người nộp thay: Bà Lê Thị Diễm T; nội dung khoản nộp: Thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; số tiền nộp: 60.000.000 đồng.

[3.1.4] Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 960078; số vào sổ cấp GCN: CS 11631 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/11/2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 960482; số vào sổ cấp GCN: CS 11644 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/12/2019 đã cập nhật thay đổi chủ sở hữu là bà Lê Thị Diễm T có cơ sở xác định ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

Như vậy, có cơ sở xác định bà Lê Thị Diễm T có nộp thay ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản số tiền 240.000.000 đồng. Tại khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015 quy định quyền đòi lại tài sản: *“1. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật”*. Tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ, chồng: *“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này. 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”*. Do đó, yêu cầu của bà Lê Thị Diễm T về việc buộc ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P phải liên đới trả cho bà T tiền nộp thay thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản số tiền 240.000.000 đồng như đã nêu trên là có căn cứ được chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của bà Lê Thị Diễm T về buộc ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P phải trả cho bà T tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền theo mức lãi suất là 10% /năm, tính kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án là ngày 11/12/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 30/9/2024 là 09 tháng 19 ngày, theo mức lãi suất 10%/năm (240.000.000 đồng x 10%/năm x 09 tháng 19 ngày = 19.266.000 đồng)

tính chẵn là 19.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: “1. *Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.* 2. *Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*”. Do đó, yêu cầu của bà Lê Thị Diễm T về việc buộc ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P phải liên đới trả cho bà T tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền số tiền 19.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3.3] Đối với tài sản cầm giữ là chiếc xe ô tô biển số: 51C-363.38 và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 588690 cấp ngày 29/8/2020 của Công ty M do ông Hà Xuân B là người đại diện theo pháp luật, hiện bà Lê Thị Diễm T đang cầm giữ, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn ông Hà Xuân B cho rằng ông không có thỏa thuận giao cho bà T giữ mà là ngày 01/07/2021, bà Nguyễn Thị Thanh T hỏi mượn ông xe ô tô trên để đi thiện nguyện trong mùa dịch và hứa sẽ trả liền sau đó, nên ông đồng ý cho bà T mượn sau đó ông nhiều lần liên lạc, thông báo yêu cầu, nhưng bà T không trả lại xe ô tô trên. Tuy nhiên không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Căn cứ lời khai bà Nguyễn Thị Thanh T người làm chứng; căn cứ quy định tại Điều 346 của Bộ luật dân sự 2015: “*cầm giữ tài sản là việc bên có quyền (sau đây gọi là bên cầm giữ) đang nắm giữ hợp pháp tài sản là đối tượng của hợp đồng song vụ được chiếm giữ tài sản trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ*”.

Như vậy, có cơ sở xác định việc bà Lê Thị Diễm T cầm giữ xe ô tô và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do ông B giao là để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền do phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng bất động sản mà theo đó bà T đã nộp thay tiền thuế thu nhập cá nhân cho ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P. Tại Khoản 4 Điều 349 BLDS 2015 quy định Nghĩa vụ của bên cầm giữ: “*Giao lại tài sản cầm giữ khi nghĩa vụ đã được thực hiện*”. Do đó, ngay sau khi ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P trả cho bà Lê Thị Diễm T đủ số tiền nêu trên thì bà T phải giao cho Công ty M do ông Hà Xuân B là người đại diện theo pháp luật nhận lại xe ô tô biển số: 51C-363.38 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 588690 cấp ngày 29/8/2020.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Lê Thị Diễm T về việc buộc ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P phải liên đới trả cho bà Lê Thị Diễm T tổng số tiền là 259.000.000 đồng (trong đó tiền nộp thay thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản 240.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả tiền là 19.000.000 đồng) được chấp nhận toàn bộ, nên ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.950.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 166, Điều 288, Điều 346, Điều 349, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị Diễm T.

Buộc ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P phải liên đới trả cho bà Lê Thị Diễm T tổng số tiền là 259.000.000 (hai trăm năm mươi chín triệu) đồng, trong đó tiền nộp thay thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản 240.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả tiền là 19.000.000 đồng. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị Diễm T cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả cho bà Lê Thị Diễm T nêu trên, hàng tháng ông Hà Xuân B và bà Nguyễn Mai P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngay sau khi ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P trả cho bà Lê Thị Diễm T đủ số tiền nêu trên thì bà Lê Thị Diễm T phải giao lại cho Công ty M do ông Hà Xuân B là người đại diện theo pháp luật chiếc xe ô tô biển số: 51C-363.38 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 588690 cấp ngày 29/8/2020.

2. Về án phí: Ông Hà Xuân B, bà Nguyễn Mai P phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.950.000 (mười hai triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Diễm T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.200.000 (bảy triệu hai trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0037648 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP. (Thúy Loan)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thạnh